

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI, BƯU CHÍNH, CHUYỂN PHÁT
Năm 2014*(Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động vận tải, kho bãi, bưu chính, chuyển phát)***Tên doanh nghiệp:***(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)***I. Vận tải hành khách**

Ngành đường	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tổng số		Trong đó: Ngoài nước		Phương tiện vận tải có tại thời điểm 31/12/2014		
		Vận chuyển (1000Hk)	Luân chuyển (1000Hk.Km)	Vận chuyển (1000Hk)	Luân chuyển (1000Hk.Km)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng trọng tải (Chở)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Đường sắt						Toa tàu		
2. Đường bộ						x	x	x
2.1. Vận tải bằng xe buýt						Ô tô		
2.2. Vận tải bằng xe taxi						Ô tô		
2.3. Vận tải bằng xe khách						Ô tô		
- Ô tô từ 9 chỗ ngồi trở lên						Ô tô		
- Ô tô dưới 9 chỗ ngồi						Ô tô		
3. Ven biển và viễn dương						Tàu thủy		
4. Đường thủy nội địa						Tàu thủy		
5. Vận tải hàng không						Tàu bay		

II. Vận tải hàng hóa

Ngành đường	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Tổng số		Trong đó: Ngoài nước		Phương tiện vận tải có tại thời điểm 31/12/2014		
		Vận chuyển (1000Tấn)	Luân chuyển (1000T.Km)	Vận chuyển (1000Tấn)	Luân chuyển (1000T.Km)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng trọng tải (Tấn)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Đường sắt						Toa tàu		
2. Đường bộ						Ô tô		
3. Ven biển và viễn dương						Tàu thủy		
- Tàu chở hàng						Tàu thủy		
- Tàu chở dầu						Tàu thủy		
4. Đường thủy nội địa						Tàu thủy		
5. Vận tải hàng không						Tàu bay		

III. Kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra		
			Kho ngoại quan	Kho đông lạnh	Kho khác
A	B	1	2	3	4
A. Kho bãi					
1. Số lượng kho có tại 31/12/2014	Kho				
2. Tổng diện tích kho dùng cho kinh doanh có tại 31/12/2014	m ²				
3. Doanh thu thuần dịch vụ kho bãi	Tr.đ				
B. Doanh thu thuần dịch vụ hỗ trợ cho vận tải khác	Tr.đ		x	x	x

IV. Hoạt động bốc xếp

Ngành đường	Doanh thu thuần (Triệu đồng)	Hàng hóa bốc xếp thông qua (*)				Phương tiện bốc xếp có tại 31/12/2014		
		Tổng số hàng bốc xếp (1000TTQ)	Bốc xếp hàng xuất khẩu (1000TTQ)	Bốc xếp hàng nhập khẩu (1000TTQ)	Bốc xếp hàng nội địa (1000TTQ)	Loại phương tiện	Số lượng (Chiếc)	Tổng công suất (Tấn)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Đường sắt						Xe nâng		
2. Đường bộ						Xe nâng		
3. Cảng biển						Cần cẩu		
4. Cảng sông						Cần cẩu		
5. Cảng hàng không						Xe nâng		

Ghi chú: (*) Đơn vị tính đối với đường sắt và đường bộ là "1000T"

V. Hoạt động bưu chính, chuyển phát

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tổng số	Chia ra		
			Đi trong nước	Đi quốc tế	Quốc tế đến
A	B	1	2	3	4
I. Doanh thu					
1. Dịch vụ bưu chính	Triệu đồng				
2. Dịch vụ chuyển phát	"				
II. Sản lượng					
1. Bưu phẩm	Kg				
2. Bưu kiện	Kg				
3. Số thư chuyển tiền, điện chuyển tiền	1000 phiếu				
4. Tổng số báo chí phát hành qua bưu điện	1000 tờ, cuốn				

Phiếu số 1A.5/ĐTDN-VTKB

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI, BUƯ CHÍNH, CHUYÊN PHÁT

Phương pháp tính và ghi biểu:

Căn cứ hoạt động vận tải, kho bãi, bưu chính, chuyên phát của doanh nghiệp để ghi số liệu vào mục, dòng tương ứng. Trên một dòng các chỉ tiêu có liên quan chặt chẽ với nhau, khi đã xuất hiện số liệu ở một dòng nào đó thì cần điền đủ ở các cột (không cần ghi số liệu vào các ô đã bôi đen).

Câu 1. Vận tải hành khách

Vận tải hành khách được chia theo 5 ngành đường, chỉ tiêu thu thập là doanh thu thuần; tổng số khối lượng vận chuyển, luân chuyển; khối lượng vận chuyển, luân chuyển ngoài nước.

Tổng doanh thu thuần bao gồm: Doanh thu thuần của các hoạt động vận tải theo các phương thức vận tải: đường bộ, đường sắt, đường ống, đường biển, đường thủy nội địa và đường hàng không.

Tổng số doanh thu thuần được yêu cầu chi tiết theo từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện theo các dòng và cột tương ứng trong biểu.

- Khối lượng hành khách vận chuyển (đơn vị tính là 1000 hành khách).
- Khối lượng hành khách luân chuyển (đơn vị tính là 1000 Hk.km).

Câu 2. Vận tải hàng hóa

Vận tải hàng hóa được chia theo 5 ngành đường, chỉ tiêu thu thập là doanh thu, tổng số khối lượng vận chuyển, tổng số khối lượng luân chuyển, khối lượng vận chuyển, luân chuyển ngoài nước.

Tổng doanh thu thuần bao gồm: Doanh thu thuần của các hoạt động vận tải theo các phương thức vận tải: Đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa và đường hàng không.

Lưu ý: Doanh thu thuần cũng bao gồm cả doanh thu thuần các hoạt động phụ do đơn vị vận tải thực hiện nhưng không đủ cơ sở thông tin bóc tách để đưa vào ngành sản xuất dịch vụ thích hợp khác.

Các đơn vị vận tải có bán hàng cần phải tách trị giá vốn hàng hóa, lợi nhuận thương mại ra khỏi kết quả hoạt động vận tải hàng hóa (Ví dụ: Trường hợp bán vật liệu xây dựng tại chân công trình, không được tính trị giá phần vật liệu xây dựng...).

- Khối lượng hàng hoá vận chuyển (1000 tấn).
- Khối lượng hàng hoá luân chuyển (1000 tấn.km).

Khối lượng hàng hoá vận chuyển là số tấn hàng hoá thực tế (kể cả bao bì nếu có) ghi trong hợp đồng vận chuyển, giấy vận chuyển hoặc trên bao bì của hàng hoá. Đối với hàng rời thì căn cứ vào khối lượng riêng và thể tích hàng hoá thực tế xếp trên phương tiện để tính khối lượng hàng hoá vận chuyển. Không dùng tấn tính cước hoặc tấn trọng tải của phương tiện để tính khối lượng hàng hoá vận chuyển thực tế. Đơn vị tính khối lượng hàng hoá vận chuyển là Tấn.

Khối lượng hàng hoá luân chuyển tính bằng cách nhân khối lượng hàng hoá vận chuyển với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường đi ngắn nhất mà phương tiện có thể đi được từ nơi gửi hàng đến nơi nhận hàng đã được Bộ Giao thông Vận tải hoặc cơ quan được Nhà nước uỷ quyền công bố, hoặc thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện trong hợp đồng vận tải. Đơn vị tính khối lượng hàng hoá luân chuyển là Tấn.km.

Câu 3. Kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải

Tổng doanh thu thuần bao gồm: Doanh thu thuần bao gồm: Cho thuê phương tiện vận tải hoặc phương tiện bốc xếp hàng hoá có kèm theo người điều khiển, dịch vụ bến bãi, đại lý vận tải, hoa tiêu, tín hiệu dẫn dắt tàu bè (đối với vận tải thủy); dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ hoạt động cho thuê kho bãi thuộc dịch vụ kinh doanh bất động sản).

Câu 4. Hoạt động bốc xếp (Hàng hóa thông qua cảng)

Sản lượng hàng hoá thông qua cảng là lượng hàng hoá thực tế xuất cảng và nhập cảng. Đơn vị tính là TTQ (tấn thông qua). Riêng đơn vị tính đối với đường sắt và đường bộ là 1000T.

Tổng số hàng hoá thông qua cảng bao gồm: Hàng xuất khẩu, nhập khẩu, xuất nội, nhập nội, hàng nước ngoài quá cảnh.

- Hàng xuất khẩu: Là số hàng hoá thực tế đã được cảng xếp lên phương tiện đường biển hoặc biển pha sông để vận tải ra nước ngoài.

- Hàng nhập khẩu: Là số hàng hoá thực tế do phương tiện đường biển hoặc biển pha sông vận tải từ nước ngoài vào cảng và đã được bốc ra khỏi phương tiện đó.

- Hàng nội địa bao gồm hàng xuất nội, nhập nội.

- Hàng nước ngoài quá cảnh: Là lượng hàng được vận chuyển từ nước ngoài, vào cảng Việt Nam vì mục đích quá cảnh, chuyển phương tiện để đi tiếp đến một nước khác, được bốc xuống và xếp lên phương tiện để đi tiếp.

Không tính vào khối lượng hàng hoá thông qua cảng những khối lượng sau đây:

- Khối lượng hàng hoá do cảng bốc xếp nhưng ở ngoài phạm vi cảng.

- Khối lượng hàng hoá lỏng qua cảng như nước ngọt, nhiên liệu cho tàu.

- Khối lượng hàng hoá tổn thất trong quá trình bốc xếp ở cảng.

Trường hợp cảng biển làm nhiệm vụ tiếp nhận hàng hoá vận chuyển bằng phương thức tàu Lash thì:

- Tàu Lash (tàu mẹ) vào phạm vi quản lý của cảng biển, được cảng làm thủ tục giao nhận với tàu Lash (tàu mẹ) để lại dật sà lan Lash vào cầu tàu bốc dỡ, hoặc bàn giao cho phương tiện vận tải đường sông, đường biển, biển pha sông để kéo ra khỏi phạm vi quản lý của cảng thì cảng đó được tính sản lượng hàng Lash vào sản lượng hàng hoá thông qua cảng (mục nhập khẩu).

- Ngược lại, cảng tiếp nhận hàng Lash của các phương tiện vận tải sông, biển, biển pha sông đưa tới phạm vi cảng quản lý để cảng tiếp tục làm thủ tục giao nhận với tàu Lass (tàu mẹ) trong phạm vi cảng quản lý, thì cảng đó được tính sản lượng hàng hoá thông qua cảng (mục xuất khẩu).

- Hàng Lash được vận chuyển từ cảng biển này đến cảng biển, cảng sông khác trong nước do phương tiện đường thủy vận chuyển thì các cảng biển, cảng sông này được tính sản lượng vào hàng thông qua cảng biển, cảng sông (mục hàng hoá xuất nội, nhập nội).

Phương tiện vận tải có đến 31/12/2014:

Ghi số lượng phương tiện có đến 31/12/2014 của doanh nghiệp đang tham gia hoạt động kinh doanh vận tải, không kể những phương tiện phải ngừng hoạt động trên 2/3 thời gian trong năm vì lý do kỹ thuật, pháp lý...: đưa vào xưởng sửa chữa, xe bị tạm giữ... và xe chờ thanh lý.

Phương tiện vận tải có đến 31/12/2014 được chia theo:

- Loại hình vận tải của phương tiện: Phương tiện hành khách, phương tiện hàng hóa

- Ngành đường: Bao gồm các loại phương tiện của các ngành đường: đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường không. Doanh nghiệp ghi số liệu tương ứng với phương tiện hoạt động của mình

- Với mỗi loại phương tiện của loại hình vận tải, theo các ngành đường có đơn vị tính phù hợp. Về số lượng tính theo đầu phương tiện (đơn vị là chiếc), cộng dồn trọng tải của phương tiện cùng loại để có được tổng trọng tải phương tiện cùng loại (đơn vị tính với hành khách là số chỗ, với hàng hóa là số tấn).

Câu 5. Hoạt động bưu chính, chuyển phát

Doanh thu

Doanh thu của hoạt động bưu chính, chuyển phát: Là tổng số tiền đã và sẽ thu về do việc cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát trong nước và quốc tế cho khách hàng của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

Dịch vụ bưu chính bao gồm: Dịch vụ nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước và quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện bằng dịch vụ bưu chính qua mạng lưới bưu điện (*không bao gồm dịch vụ chuyển tiền bưu điện, tiết kiệm bưu điện*).

- *Dịch vụ chuyển phát bao gồm:* Dịch vụ nhận, phân loại, vận chuyển và phân phối (trong nước và quốc tế) thư, bưu phẩm, bưu kiện của các doanh nghiệp không hoạt động theo giao ước dịch vụ chung; dịch vụ này cũng bao gồm cả dịch vụ giao hàng tận nhà.